

Ôn tập văn nghị luận

I. Kiến thức cơ bản

- *Nghị luận là một hình thức hoạt động ngôn ngữ phổ biến trong đời sống và giao tiếp của con người để nêu ý kiến, đánh giá, nhận xét, bàn luận về các hiện tượng, sự vật, vấn đề xã hội, tác phẩm nghệ thuật, hay về ý kiến của người khác.*
- *Văn nghị luận phân biệt với các thể loại tự sự, trữ tình chủ yếu chỗ nghị luận dùng lí lẽ, dẫn chứng và bằng cách lập luận nhằm thuyết phục nhận thức của người đọc.*
- *Bài văn nghị luận nào cũng có đối tượng (hay đề tài) nghị luận, các luận điểm, luận cứ và lập luận. Các phương pháp lập luận chính thường gặp là: chứng minh, giải thích.*

II. Hướng dẫn tìm hiểu câu hỏi phần bài học

Câu 1. Đọc lại các bài văn nghị luận đã học (Bài 20, 21, 22, 23, 24)

Số TT	Tên bài	Tác giả	Đề tài nghị luận	Luận điểm chính	Phương pháp lập luận
1	<i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i>	Hồ Chí Minh	Tinh thần yêu nước	Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó chính là một truyền thống quý báu của ta.	Chứng minh
2	<i>Sự giàu đẹp của tiếng Việt</i>	Đặng Thai Mai	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.	Chứng minh và giải thích

3	<i>Đức tính giản dị của Bác Hồ</i>	Phạm Văn Đồng	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Giản dị là đức tính nổi bật của Bác Hồ: giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong lời nói và bài viết. Sự giản dị đó hoà hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng tình cảm cao đẹp.	Chứng minh và giải thích, bình luận
4	<i>Ý nghĩa văn chương</i>	Hoài Thanh	Ý nghĩa của văn chương đối với cuộc sống con người	Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha. Văn chương là hình ảnh của sự sống muôn hình vạn trạng và sáng tạo ra sự sống.	

Câu 2. Nêu tóm tắt những nét đặc sắc nghệ thuật của mỗi bài nghị luận đã học.

- + Bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta: Lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng, mạch lạc, dẫn chứng cụ thể, phong phú, giàu sức thuyết phục. Bài văn là mẫu mực của văn nghị luận.
- + Bài Sự giàu đẹp của tiếng Việt: Bố cục mạch lạc, rõ ràng; lí lẽ, chứng cứ chặt chẽ, toàn diện. Bài văn đã chứng minh sự giàu có và đẹp đẽ của tiếng Việt.
- + Bài Đức tính giản dị của Bác Hồ: Lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng. Bài văn vừa có những chứng cứ cụ thể và nhận xét sâu sắc, vừa thấm đượm tình cảm chân thành.
- + Bài Ý nghĩa của văn chương: Kết hợp nhiều phương pháp lập luận, giải thích, chứng minh, bình luận và lối văn nghị luận vừa có lí lẽ, vừa có cảm xúc và hình ảnh.

Câu 3. Trong Chương trình Ngữ văn lớp 6 và 7, em đã học nhiều bài thuộc thể truyện, kí và thơ trữ tình, tuỳ bút. Bảng liệt kê dưới đây liệt kê các yếu tố có trong các văn bản tự sự, trữ tình và nghị luận, hãy chọn trong cột bên phải những yếu tố có trong mỗi thể loại ở cột bên trái rồi ghi vào vở.

Hướng dẫn:

TT	Thể loại	Yếu tố
1	Truyện	Cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện
2	Kí	Nhân vật, người kể chuyện
3	Thơ tự sự	Vần, nhịp, nhân vật, người kể chuyện
4	Thơ trữ tình	Vần, nhịp, nhân vật trữ tình
5	Tuỳ bút	Nhân vật, người kể chuyện
6	Nghị luận	Luận điểm, luận cứ

+ Sự khác nhau giữa nghị luận và thể loại trữ tình, tự sự:

Nghị luận	Trữ tình, tự sự
Chủ yếu dùng lí lẽ, dẫn chứng và bằng cách lập luận (sắp xếp các luận điểm, luận cứ) nhằm thuyết phục nhận thức người đọc	Chủ yếu dùng phương thức miêu tả, kể chuyện, biểu cảm nhằm tập trung xây dựng các hình tượng nghệ thuật với nhiều dạng thức khác nhau

+ Những câu tục ngữ trong Bài 18, 19 đều có thể coi là những văn bản, đó là luận điểm, luận cứ và lập luận.